

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 218/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2019

V/v ly hôn giữa chị M và anh C

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1981; đăng ký HKTT: xã HS, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: xã HP, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: xã HS, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Văn C có tình cảm tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/10/1999 tại Ủy ban nhân dân xã HS, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh C một thời gian thì mua đất, xây nhà ra ở riêng. Trong cuộc sống giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do tính nết không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm; anh C không chăm lo đến cuộc sống gia đình và còn có biểu hiện không chung thủy. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/8/2000 và cháu Phạm Việt A, sinh ngày 11/7/2009. Cháu T hiện đã thành niên, lao động tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con; còn cháu Việt A hiện đang ở với chị, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Việt A và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Văn C trình bày:

Anh thống nhất với chị M về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng ly thân. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo anh C trình bày nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi cọ, chị M có dấu hiệu không chung thủy, anh đã tha thứ cho chị M nhiều lần nhưng chị M không thay đổi. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm nhưng anh không nhất trí ly hôn vì vợ chồng theo Đạo Công giáo và gia đình không cho phép.

Về con chung, anh C trình bày thống nhất với chị M. Anh nhất trí khi ly hôn do cháu T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng; còn cháu Việt A có nguyện vọng xin ở với ai thì anh nhất trí. Nếu anh nuôi con thì anh cũng không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh C trình bày thống nhất với ý kiến của chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/10/1999 tại UBND xã HS, huyện H nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị M và anh C đã nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và còn nghi ngờ nhau về sự chung thủy vợ chồng; đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Chị M xin ly hôn, anh C không nhất trí nhưng cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, lý do anh không đồng ý ly hôn vì luật tôn giáo và gia đình không cho phép. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh C đã trầm trọng, kéo dài từ đầu năm 2018 đến nay, các bên đã được gia đình hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, nay chị M vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn nên nếu có tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được.

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M xin ly hôn anh Phạm Văn C là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn C thống nhất có hai con chung là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 12/8/2000 và cháu Phạm Việt A, sinh ngày 11/7/2009. Cháu T đã thành niên nên chị M, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Việt A hiện đang ở với chị M, chị M có nguyện vọng nuôi cháu Việt A, anh C có ý kiến căn cứ theo nguyện vọng của con muốn ở với ai thì giao cho người đó nuôi dưỡng. Cháu Việt A cũng có nguyện vọng xin ở với chị M. Do đó, cần giao cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Việt A là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị M và anh C thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn C.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Phạm Việt A, sinh ngày 11/7/2009 hiện đang ở với chị Mận.

Anh Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000512 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- UBND xã HS: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên